

Một số vấn đề về kinh tế vĩ mô của Việt Nam trong năm 2010

Phạm Anh Tuấn *

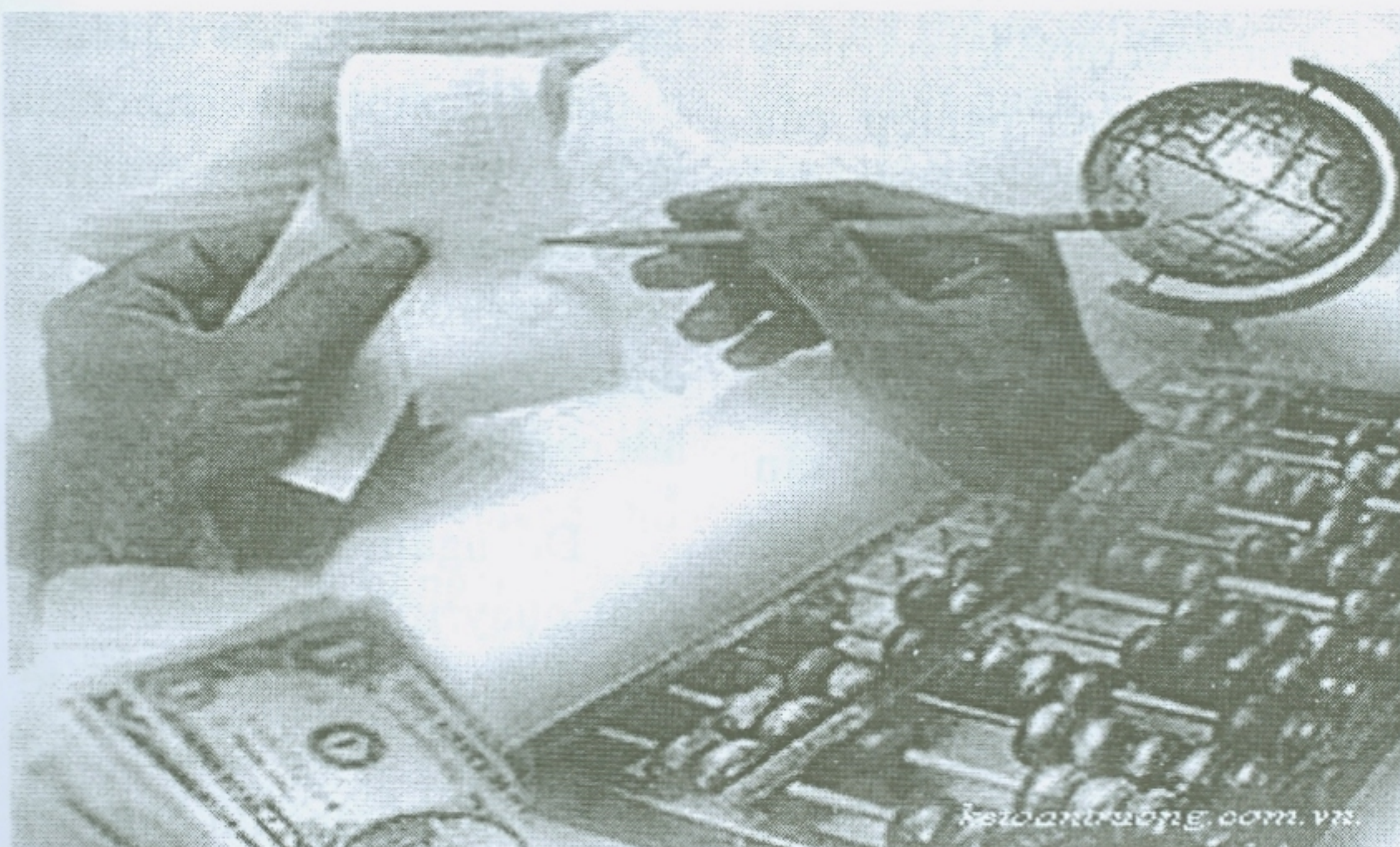
Nền kinh tế Việt nam đã bước qua giai đoạn khó khăn nhất, bên cạnh những tín hiệu khả quan đã nổi lên một số vấn đề vĩ mô đe dọa tính bền vững của sự phục hồi kinh tế trong năm 2010, cụ thể là nguy cơ tái lạm phát, sức ép giảm giá tiền đồng và tình trạng thâm hụt cán cân thanh toán. Chính vì vậy, năm 2010 nước ta vẫn phải tiếp tục nỗ lực để kiềm chế lạm phát và duy trì tăng trưởng. Chính sách vĩ mô đóng vai trò không nhỏ trong việc giải quyết lạm phát và duy trì tăng trưởng. Mục tiêu của Chính phủ trong năm 2010 là tăng trưởng kinh tế đạt mức 6,5%, lạm phát dưới 7%. Theo nhận định của các chuyên gia kinh tế, rủi ro đối với nền kinh tế Việt Nam năm 2010 đang đến từ hai phía: Một mặt, sự thành công của chính sách kích thích kinh tế sẽ kéo theo lạm phát gia tăng. Mặt khác, nếu các biện pháp thắt chặt tiền tệ để kiểm soát lạm phát được thực hiện, Việt Nam có thể phải đương đầu với nguy cơ suy giảm tăng trưởng cũng như những khó khăn trong cán cân thanh toán.

Năm 2010, mục tiêu đề ra là phải đạt được ổn định kinh tế vĩ mô để phấn đấu có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn về số lượng và chất lượng. Do đó, xét cả về mặt lý thuyết và thực tế, để ổn định kinh tế vĩ mô thì phải thực hiện thắt chặt chính sách tiền tệ, giảm mức tăng trưởng tín dụng, đồng thời phải thực hiện chính sách tài khóa thận trọng ở mức độ linh hoạt, hợp lý, giảm dần từng

bước tiến đến giảm mạnh bội chi ngân sách Nhà nước so với hiện nay. Trong bối cảnh đó, chúng ta phải tập trung giám sát, làm rõ cơ sở pháp lý về nguồn vốn của gói kích thích kinh tế do Chính phủ thực hiện để chống suy giảm kinh tế. Qua giám sát có thể khẳng định rằng, theo pháp luật hiện hành, Chính phủ đã thực hiện quyết định sử dụng nguồn vốn kích thích kinh tế theo đúng

thẩm quyền, phát hành bổ sung 20.000 tỷ đồng vốn trái phiếu chính phủ hoặc các vấn đề miễn, giãn, giảm thuế đã thực hiện đúng Nghị quyết của Quốc hội.

Công cụ thuế đã được sử dụng hữu hiệu hơn để phát huy nội lực của nền kinh tế, do đó, cần nghiên cứu điều chỉnh hạ dần thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), nhưng kết hợp mở rộng cơ sở tính thuế, xóa bỏ dần việc miễn giảm, thuế TNDN, kể cả việc lồng ghép chính sách xã hội trong chính sách thuế; sớm nghiên cứu áp dụng phù hợp với thực tế quản lý ở nước ta các loại thuế trực thu như thuế tài sản, thuế nhà, đất... đồng thời chính sách chi tiêu công đã nhanh chóng được cơ cấu lại phù hợp hơn với chức năng, nhiệm vụ của nhà nước trong



* Công ty CP Bảo hiểm Bưu điện

quá trình chuyển đổi, giảm dần chi phí đầu tư phát triển theo hướng xã hội hóa mạnh các lĩnh vực đầu tư cơ sở hạ tầng và đầu tư sản xuất kinh doanh; sớm đổi mới để có cơ chế thích hợp nhằm nhân rộng, đẩy mạnh các hình thức đầu tư BOT hoặc PPP (Nhà nước Tư nhân) trong tất cả các lĩnh vực đầu tư công và đẩy mạnh xã hội hóa các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, khoa học, công nghệ, y tế,...

Đã đạt được mức thu nhập bình quân đầu người trên 1.000 USD là cả một quá trình phấn đấu liên tục, kiên trì vượt qua nhiều khó khăn. Chúng ta phải bằng mọi cách và sớm nhân đôi nó lên, đây là phương châm và ước muốn của mọi người. Do đó, chúng ta phải chấp nhận mọi sự đối xử bình đẳng theo quan hệ quốc tế, tức là phải vay nước ngoài với lãi suất thấp hơn lãi suất thương mại, cao hơn lãi suất ưu đãi. Thực tế cho thấy vay ODA với lãi suất ưu đãi tính bình quân 3 năm gần đây để đầu tư phát triển chỉ khoảng trên 10% so với tổng vốn đầu tư XDCB hàng năm. Nếu phải vay thương mại thì mức vốn phải trả lãi tuy hàng năm có cao hơn, nhưng ảnh hưởng không lớn đến cân đối ngân sách hàng năm. Vấn đề quan trọng hơn, không phải là ở chỗ vay ưu đãi hay vay thương mại, mà ở chỗ chúng ta sử dụng có hiệu

quả cao hơn các khoản vay khi phải vay theo lãi suất thương mại. Chúng ta đã có nhiều bài học quý giá khi quyết tâm xoá bao cấp về vốn đối với khu vực sản xuất kinh doanh. Khi hội nhập quốc tế, đã chấp nhận luật chơi bình đẳng, phải chấp nhận mọi quy định, đối xử theo thông lệ chung.

Bước sang năm 2010, trước yêu cầu và bối cảnh mới, việc điều hành chính sách tài khoá phải có sự thay đổi hợp lý để tiếp tục hỗ trợ sự phục hồi kinh tế vững chắc, với tốc độ tăng trưởng cao hơn trong điều kiện phải thắt chặt chính sách tiền tệ. Các chính sách thuế xuất nhập khẩu sẽ được điều chỉnh tăng ở mức độ hợp lý để hạn chế nhập khẩu hàng tiêu dùng không thiết yếu để giảm nhập siêu, giảm áp lực cung cầu về ngoại tệ, sẽ tăng thuế suất thuế xuất khẩu nguyên liệu thô, tiếp tục hoàn thiện, đơn giản hoá hơn thủ tục để đẩy nhanh việc hoàn thuế, thực hiện giãn thời hạn nộp thuế một quý đối với thuế thu nhập doanh nghiệp của các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động. Các biện pháp trên sẽ được triển khai để vừa tạo môi trường thuận lợi cho sản xuất trong nước, hoạt động xuất khẩu được đẩy mạnh, vừa đạt mục tiêu phấn đấu tăng thu ngân sách, đồng thời sẽ cơ cấu lại chi NSNN, tập trung

nguồn nhân lực nhiều hơn để thực hiện chính sách an sinh xã hội, điều chỉnh tiền lương, đầu tư cho con người, hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội, các vùng khó khăn, phát triển khu vực nông nghiệp, nông thôn... và chỉ tăng chi đầu tư phát triển ở mức hợp lý, kết hợp với việc xã hội hoá mạnh các hình thức đầu tư công và đầu tư phát triển các dịch vụ công.

Một số kiến nghị

Một là, Ưu tiên của chính sách trong năm 2010 là ổn định vĩ mô.

Điều này một mặt xuất phát từ một số lo ngại về khả năng bất ổn vĩ mô do lạm phát trở lại, căng thẳng tỷ giá, thâm hụt cán cân thanh toán. Mặt khác, nếu chỉ chạy theo tốc độ tăng trưởng ngắn hạn thì nhiều khả năng nền kinh tế sẽ phải đánh đổi bằng sự bất ổn, thiếu bền vững, và tăng trưởng chậm trong trung và dài hạn - điều mà chúng ta đã chứng kiến trong ba năm trở lại đây. Nếu không khéo, khi nền kinh tế thế giới phục hồi cũng chính là lúc chúng ta phải đối mặt với những bất ổn kinh tế trong nước và do vậy không tận dụng được cơ hội từ sự phục hồi chung này.

Để ngăn không cho lạm phát quay trở lại, NHNN cần thực hiện chính sách tiền tệ thận trọng nhằm kiềm chế tốc độ tăng trưởng tín dụng và

cung tiền. Trong trường hợp chính phủ vẫn muốn duy trì một mức tăng trưởng GDP khả dĩ thì nên sử dụng chính sách tài khóa vì thực tế cho thấy, trong một nền kinh tế có chế độ tỷ giá gần như cố định như của Việt Nam thì chính sách tài khóa tỏ ra hiệu quả hơn trong việc giúp tăng trưởng GDP, đồng thời không gây sức ép quá lớn tới mặt bằng giá. Tuy nhiên điều này chỉ đúng nếu như đồng tiền ngân sách được sử dụng một cách hiệu quả, đồng thời hạn chế hiệu ứng chèn lấn đối với khu vực dân doanh.

Để giảm căng thẳng tỷ giá, việc chấm dứt hỗ trợ lãi suất 4% là một chính sách hợp lý vì bên cạnh tác động thắt chặt tín dụng, nó còn khuyến khích các doanh nghiệp có đô la chuyển một phần dự trữ đô la sang tiền đồng để đáp ứng các nhu cầu vốn lưu động, nhờ đó giảm áp lực cho thị trường ngoại hối. Bên cạnh đó, việc tác động tới kỳ vọng của thị trường thông qua từng bước điều chỉnh tỷ giá đô la Mỹ/tiền đồng sẽ đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc cân đối lại cấu trúc danh mục nắm giữ tiền của người dân và doanh nghiệp. Mặc dù việc điều chỉnh tỷ giá có thể làm tăng gánh nặng nợ nước ngoài, đặc biệt là của các doanh nghiệp nhà nước, nhưng chính sách này là cần thiết vì

lợi ích của toàn bộ nền kinh tế. Hơn thế, việc điều chỉnh tỷ giá cũng phát tín hiệu buộc các doanh nghiệp nhà nước phải thận trọng hơn khi vay đô la. NHNN cũng cần điều chỉnh chính sách tín dụng đô la theo hướng giảm tâm lý găm giữ đô la, chẳng hạn như thông qua việc duy trì chênh lệch lãi suất đô la và vàng so với tiền đồng ở mức hợp lý để khuyến khích người dân giữ tiền đồng thay bằng chuyển sang việc găm giữ vàng và đô la.

Một điều đáng nói nữa là sự thành công của chính sách vĩ mô phụ thuộc không chỉ vào sự đúng đắn của chính sách, mà còn phụ thuộc rất nhiều vào niềm tin của các tác nhân thị trường với các cơ quan quản lý vĩ mô. Như vậy, việc lấy lại niềm tin của thị trường đối với các cơ quan này, và nhờ đó lấy lại hiệu lực cho chính sách vĩ mô của Chính phủ, cần được coi là một ưu tiên hàng đầu. Để làm được điều này, một thái độ thực sự cầu thị, một hệ thống chính sách đúng đắn, nhất quán và một cơ chế giao tiếp thông tin chính xác, kịp thời với người dân, với thị trường là những điều kiện tiên quyết.

Nhiều nền kinh tế đến nay đã có sự hồi phục nhưng chủ yếu là nhờ sự bơm tiền của Nhà nước. Cho nên cuộc khủng hoảng này dù phục hồi tương đối sớm nhưng chưa thể

kết thúc ngay và năm 2010 sẽ là năm hồi phục khó khăn.

Trong bối cảnh như vậy, Việt Nam dự kiến sẽ hồi phục và tăng trưởng mạnh. Tức là Việt Nam không bị suy thoái, tăng trưởng âm mà chỉ bị suy giảm. Dự kiến năm 2010 sẽ tăng trưởng 6,5%.

Để làm được điều này, Việt Nam có thể trông mong vào xuất khẩu, đầu tư nước ngoài, trông chờ vào cải cách. Có cải cách mới phát huy được khu vực kinh tế tư nhân và nông nghiệp.

Bài toán của Việt Nam năm 2010 là không thể chỉ coi trọng tăng trưởng mà trước hết phải ổn định kinh tế vĩ mô. Tình hình kinh tế của Việt Nam hiện nay nếu cứ tiếp tục tăng trưởng để gây mất ổn định kinh tế vĩ mô thì có thể sẽ trả giá đắt.

Hiện mức nhập siêu, mất cân cân thanh toán, bội chi ngân sách ở mức đáng cảnh báo, đó là chưa kể lạm phát có thể tăng cao.

Cũng cần chú ý đến việc lạm phát có thể quay trở lại. Năm ngoái, chúng ta tăng tín dụng 38% để đạt được mức tăng trưởng GDP 5,3%. Mức tăng tín dụng đã cao gấp 7 lần mức tăng GDP.

Năm nay để đạt mục tiêu 6,5% tăng trưởng thì tăng trưởng tín dụng phải là 44%.

Tuy nhiên, mức tăng trưởng tín dụng lại bị khống chế ở mức 25%. Vậy giải quyết vấn đề này như thế nào?

Chỉ có một cách là nâng cao hiệu quả của tín dụng lên. Mà điều này đòi hỏi phải điều chỉnh cơ cấu đầu tư, cơ cấu lại nền kinh tế cũng như không thể đầu tư tất cả các dự án đang triển khai.

Các nhà kinh tế cho rằng nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng cao hơn năm 2009 khả năng là có. Nhưng không phải tự nhiên đạt được điều đó cũng như cứ làm y hệt như năm 2009 là sẽ đạt được mà cần tạo ra một bước ngoặt mới. Không nên cứ nghĩ với tốc độ tăng trưởng thế này là ta sẽ tăng trưởng mãi trong tương lai.

Cần điều chỉnh lại cả mô hình tăng trưởng. Không thể tiếp tục tăng trưởng bằng cách cho thuê đất, kêu gọi đầu tư nước ngoài làm những dự án chiếm nhiều đất, làm sân golf. Cũng không thể đẩy xuất khẩu gạo lên tới 7 triệu tấn, tiếp tục xuất khẩu thủy sản mãi được.

Cần tìm cách thay đổi, phải chế biến nhiều hơn, sản xuất, chế tác sâu hơn. Xuất khẩu gạo có thể ít đi nhưng gạo xuất khẩu phải chất lượng cao hơn. Xuất khẩu các sản phẩm có chế biến, có sử dụng kinh nghiệm của người lao động Việt Nam.

Với tốc độ tăng tín dụng

tới 38% trong năm 2009 thì thường nó có độ trễ từ 4 đến 6 tháng. Khi kinh tế thế giới phục hồi thì giá dầu sẽ tăng cao, kéo theo xăng, phân bón, thuốc trừ sâu tăng...

Khi đó, chúng ta sẽ phải đối mặt với lạm phát từ thế giới. Việc tỉ giá điều chỉnh, giá điện theo cơ chế thị trường, giá than, nước tăng sẽ ảnh hưởng đến tiêu dùng. Các yếu tố này sẽ dồn vào chỉ số giá.

Hiện Chính phủ mạnh tay sử dụng chính sách tín dụng và tiền tệ trong khi chính sách tài khóa lại không sử dụng. Nhẽ ra trong tình hình này phải cắt giảm các món chi tiêu không cần thiết.

Thứ hai, cung tiền và tín dụng tăng nhanh sẽ làm tăng CPI, tất nhiên là sau một độ trễ nhất định, thường là từ 5-7 tháng theo kinh nghiệm của thời kỳ lạm phát cao trong giai đoạn 2007-2008 (hình 1). Trên thực tế, mô thức này cũng được lặp lại trong năm 2009. Chính sách kích cầu và mở rộng tín dụng được triển khai từ tháng 3-2009 đã làm CPI tăng trở lại vào tháng 9-2009. Nếu tính cả năm thì với tốc độ tăng tín dụng và cung tiền trên dưới 40% so với cùng kỳ năm ngoái - tức là xấp xỉ mức cao nhất của thời kỳ bất ổn vĩ mô năm 2008 - thì sức ép lên CPI trong năm 2010 là không nhỏ. Sự thành công của chính sách vĩ mô phụ thuộc không chỉ vào

sự đúng đắn của chính sách, mà còn phụ thuộc rất nhiều vào niềm tin của các tác nhân thị trường với các cơ quan quản lý vĩ mô. Như vậy, việc lấy lại niềm tin của thị trường đối với các cơ quan này, và nhờ đó lấy lại hiệu lực cho chính sách vĩ mô của Chính phủ, cần được coi là một ưu tiên hàng đầu.

Thứ ba, kỳ vọng về lạm phát của thị trường vẫn đang được duy trì, thể hiện qua lãi suất trong các phiên đấu thầu trái phiếu chính phủ ở tất cả các kỳ hạn. Rõ ràng là các nhà đầu tư tin rằng lạm phát trong những năm tới sẽ cao trở lại, và do đó đòi hỏi mức lãi suất cao hơn một cách tương ứng. Trên thị trường tín dụng, các ngân hàng thương mại vẫn đứng trước sức ép tăng lãi suất huy động, một mặt nhằm chuẩn bị thanh khoản cho nhu cầu tín dụng trong thời gian tới, mặt khác là để đáp ứng yêu cầu của người gửi tiền khi kỳ vọng lạm phát của họ gia tăng.

Thứ tư, theo phương án điều chỉnh tiền lương và trợ cấp của Bộ Tài chính và Bộ Lao động - Thương binh - Xã hội, lương tối thiểu của lao động làm việc tại doanh nghiệp sẽ tăng từ ngày 1-1-2010, và sau đó lương tối thiểu của người hưởng lương từ ngân sách cũng tăng kể từ ngày 1-5-2010. Tuy mức tăng cụ thể chưa được công bố, nhưng mặt bằng lương tối

thiếu sẽ tăng khoảng 10-15%, tạo thêm một sức ép cho mặt bằng giá chung, và do vậy đẩy CPI tăng lên.

Thứ năm, mặc dù có nhiều ý kiến khác nhau về tốc độ và kịch bản hồi phục của kinh tế thế giới, song dường như có một sự đồng thuận rằng sau khi chạm đáy vào quý 1-2009, kinh tế thế giới sẽ hồi phục rõ nét hơn trong năm 2010. Khi ấy, chính sách mở rộng tài khóa và nới lỏng tiền tệ được duy trì trong suốt 2009, cùng với việc giá năng lượng, hàng hóa cơ bản và thực phẩm tăng trở lại sẽ là những nguyên nhân trực tiếp khiến lạm phát ở Việt Nam tăng lại trong năm 2010.

Nói tóm lại, có nhiều sức ép đẩy CPI tăng trở lại trong năm 2010. Điều này cũng có nghĩa là mục tiêu CPI 7% mà Quốc hội đề ra cho năm 2010 sẽ không chắc đạt được. Quan trọng hơn, sự giằng co giữa mục tiêu CPI 7% và tăng trưởng GDP 6,5% có thể sẽ dẫn tới một số thay đổi đột ngột trong quỹ đạo chính sách của năm 2010.

Thứ sáu, Thâm hụt cán cân thanh toán và sức ép giảm giá tiền đồng

Một điểm bất thường trong diễn biến tỷ giá của năm 2009 là từ đầu năm tới nay, tỷ giá trên thị trường không chính thức luôn vượt khá xa trần

biên độ cho phép của Ngân hàng Nhà nước (NHNN).

Một nguyên nhân của tình trạng căng thẳng tỷ giá này là do lạm phát cao ở Việt Nam khiến tỷ giá hiệu dụng thực đô la Mỹ/tiền đồng trong hai năm 2007-2008 tăng khoảng 20% so với đầu năm 2007. Bên cạnh đó, mặc dù CPI trong năm 2009 chỉ khoảng 6-7% nhưng vẫn tồn tại sức ép giảm giá tiền đồng, lần này là do cán cân thanh toán của Việt Nam đã chuyển trạng thái từ thặng dư lớn trong năm 2007 (+10,2 tỉ đô la) sang thâm hụt (-5,7 tỉ đô la) trong ba quý đầu năm 2009.

Cán cân thanh toán trở nên thâm hụt vì một số nguyên nhân. Thứ nhất, đúng như cảnh báo từ trước, nhập siêu đã tăng nhanh trở lại cùng với các biện pháp kích thích kinh tế do cả hoạt động sản xuất và tiêu dùng của Việt Nam đều phụ thuộc rất nhiều vào nhập khẩu, hơn nữa tiền đồng lại bị định giá cao so với đô la Mỹ. Kết quả là trong khi nhập khẩu tăng vọt từ mức trung bình 3,9 tỉ đô la/tháng trong quý 1 lên 6,2 tỉ đô la/tháng trong quý 3 thì xuất khẩu, kiều hối và các khoản chuyển giao lại giảm khiến cán cân tài khoản vãng lai trở nên thâm hụt nặng trong quý 2 (-2,4 tỉ đô la) và quý 3 (-3,5 tỉ đô la). Thứ hai, khi doanh nghiệp được hỗ trợ lãi suất 4% thì giá vốn bằng tiền

đồng đã giảm một cách đáng kể so với đô la Mỹ, khiến các doanh nghiệp thỏa mãn phần lớn nhu cầu vốn lưu động ngắn hạn bằng việc đi vay tiền đồng từ các ngân hàng thương mại. Bên cạnh đó, với lãi suất đô la và vàng khá cao, cộng với kỳ vọng giảm giá tiền đồng, tình trạng căng thẳng trên thị trường ngoại hối, và việc giá vàng liên tục leo thang khiến các doanh nghiệp và người dân càng có thêm động cơ để găm giữ đô la và vàng. Nói cách khác, chính sách của Nhà nước cùng với tâm lý của thị trường khiến doanh nghiệp và hộ gia đình chuyển sang giữ đô la và vàng, được thể hiện rõ qua trạng thái nắm giữ tiền đồng giảm và đô la Mỹ tăng trong hệ thống ngân hàng thương mại.

Như vậy, chính sách duy trì chênh lệch tỷ giá giữa thị trường chính thức và không chính thức trong suốt năm 2009 một mặt góp phần giữ nhập siêu ở mức cao (khoảng 12 tỉ đô la), mặt khác cùng với việc doanh nghiệp và người dân chuyển sang nắm giữ đô la và vàng đã góp phần làm cho cán cân thanh toán trở nên thâm hụt nặng. Hệ quả là dự trữ ngoại hối của Việt Nam giảm mạnh (từ khoảng 23 tỉ đô la vào cuối năm 2008 xuống còn hơn 17 tỉ đô la vào quý 3-2009), trong khi áp lực giảm giá tiền đồng không hề giảm.